Ngày 20/2/2023

Bản tin ETF:

Dự báo thay đổi danh mục ETF kỳ Q1/2023

Các quỹ ETF ngoại sẽ thực hiện tái cơ cấu danh mục kỳ quý 1/2023 theo lịch dưới đây. Hai nhóm chỉ số của FTSE và MVIS sẽ cần hoàn thành cơ cấu danh mục vào ngày **17/3**, trong khi các chỉ số của MSCI có lịch cơ cấu sớm hơn, vào ngày **28/2**.

	MVIS	FTSE	FTSE30	MSCI
Ngày chốt số liệu	28/02/2023	24/02/2023	17/02/2023	
Ngày công bố	10/03/2023	03/03/2023		09/02/2022
Ngày hoàn thành cơ cấu danh mục	**17/03/2023**	**17/03/2023**	**17/03/2023**	**28/02/2023**

1. iShares MSCI Frontier and Select EM ETF

MSCI đã công bố kết quả danh mục quý 1/2023 như sau:

- **MSCI Frontier Markets Index** (nhóm vốn hóa trung bình/lớn): thêm mới **SSB, EIB**, và loại ra **DGC, KDH** và **PDR**
- **MSCI Frontier Markets Smallcap Index** (nhóm vốn hóa nhỏ)**:** thêm 5 cổ phiếu Việt Nam là **DGC, KDH, PDR, HAG** và **KOS** (trong đó 3 cổ phiếu hạ từ nhóm vốn hóa trung bình lớn); trong khi loại ra 7 cổ phiếu là **BCG, DXG, HPX, NKG, NVB, SCS** và **VIX.**

Quỹ iShares MSCI Frontier and Select EM ETF (chỉ số cơ sở MSCI Frontier and Emerging Markets Select Index) hiện có tổng tài sản 706 triệu USD. Trong đó có 43 cổ phiếu Việt Nam với tổng tỷ trọng 30.2%. Do danh mục chỉ số MSCI Frontier and Emerging Markets Select Index không được công bố, chúng tôi dự đoán SSB và EIB sẽ được thêm mới vào danh mục trong khi DXG, NVB và VIX có thể bị loại khỏi danh mục trong kỳ này.

2. VanEck Vectors Vietnam ETF

Quỹ VanEck Vectors Vietnam ETF thông báo sẽ thay đổi chỉ số tham chiếu từ MVIS Vietnam Index sang chỉ số MarketVector Vietnam Local Index, có hiệu lực kể từ ngày 17/3/2023. So với chỉ số cũ, các cổ phiếu Việt Nam gần như được giữ nguyên, tuy nhiên chỉ số mới sẽ loại bỏ các cổ phiếu ngoại vốn chiếm từ 20% - 30% trong danh mục chỉ số cũ, và theo đó 100% danh mục mới sẽ là các cổ phiếu Việt Nam. Do đó, chúng tôi ước tính quỹ VanEck Vectors Vietnam ETF sẽ cơ cấu khoảng 19% danh mục hiện tại (95 triệu USD trong tổng giá trị danh mục 504 triệu USD) sang các cổ phiếu Việt Nam trong kỳ tới đây.

Dựa trên số liệu cập nhật ngày 17/2, chúng tôi dự báo chỉ số MarketVector Vietnam Local Index có thay đổi như sau:

- **DXG** có thể bị loại khỏi chỉ số do không thỏa mãn điều kiện về vốn hóa;
- **STB** có thể bị loại khỏi chỉ số do cổ phiếu đã đạt ngưỡng tối đa về sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài
- **DCM** được thêm vào danh mục chỉ số mới

Giả định với thay đổi như trên, danh mục chỉ số MarketVector Vietnam Local Index sẽ có 40 cổ phiếu với tỷ trọng danh mục ước tính như bảng dưới đây. Xin lưu ý rằng kết quả tính toán có thể thay đổi tại ngày chốt số liệu cuối cùng.

MarketVector Vietnam Local Index và VanEck Vectors Vietnam ETF

TT	CP	KL đang nắm giữ	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	+/-	+/- cổ phiếu	KLGD bình quân phiên	Số phiên giao dịch tương đương
1	VIC	15.636.749	7,02%	8,00%	0,98%	2.195.548	1.918.475	1,14
2	VNM	11.810.141	7,56%	8,00%	0,44%	684.769	1.698.305	0,40
3	VHM	20.061.967	7,15%	7,00%	-0,15%	-404.838	2.240.715	0,18
4	HPG	42.953.297	7,65%	6,50%	-1,15%	-6.533.550	27.988.300	0,23
5	VCB	7.235.445	5,59%	6,00%	0,41%	523.965	1.007.095	0,52
6	MSN	6.891.276	5,35%	5,50%	0,15%	190.952	594.725	0,32
7	SSI	23.519.508	3,83%	5,00%	1,17%	7.203.333	14.701.570	0,49
8	VND	22.956.880	2,79%	4,19%	1,40%	11.591.482	21.550.900	0,54
9	SAB	1.632.200	2,59%	3,81%	1,22%	780.535	100.135	7,79
10	VRE	9.839.922	2,34%	3,49%	1,15%	4.834.582	1.391.080	3,48
11	NVL	18.878.058	1,82%	3,10%	1,28%	13.154.844	16.739.860	0,79
12	VCI	7.319.650	1,65%	2,61%	0,96%	4.267.192	5.570.520	0,77
13	SHB	17.187.900	1,45%	2,36%	0,91%	10.810.103	15.588.870	0,69
14	POW	11.930.010	1,23%	2,31%	1,08%	10.381.939	7.579.975	1,37
15	VJC	1.793.640	1,55%	2,30%	0,75%	873.572	254.160	3,44
16	DGC	3.290.432	1,46%	2,11%	0,65%	1.468.099	2.081.680	0,71
17	VHC	2.337.100	1,25%	1,87%	0,62%	1.156.626	400.030	2,89
18	VPI	2.714.060	1,17%	1,79%	0,62%	1.428.584	589.570	2,42
19	KBC	6.256.200	1,25%	1,76%	0,50%	2.514.309	5.357.020	0,47
20	IDC	3.698.210	1,29%	1,71%	0,42%	1.225.483	3.213.664	0,38
21	BVH	2.458.196	1,03%	1,55%	0,52%	1.225.532	511.880	2,39
22	SBT	8.806.581	1,09%	1,42%	0,34%	2.722.770	2.710.430	1,00
23	DPM	3.091.800	1,00%	1,42%	0,41%	1.302.373	1.737.610	0,75
24	KDC	1.703.530	0,85%	1,35%	0,49%	1.000.215	973.995	1,03
25	GEX	8.676.964	0,94%	1,33%	0,38%	3.539.234	12.220.730	0,29
26	VCG	4.577.190	0,78%	1,29%	0,51%	2.902.814	7.701.685	0,38
27	DIG	7.147.686	0,85%	1,21%	0,36%	3.048.873	9.618.885	0,32
28	HSG	6.549.240	0,87%	1,18%	0,31%	2.381.965	16.674.090	0,14
29	PVS	3.895.000	0,86%	1,15%	0,29%	1.313.067	5.982.319	0,22
30	VIX	12.603.180	0,75%	1,13%	0,38%	6.245.737	10.300.470	0,61
31	HAG	11.101.000	0,74%	1,10%	0,36%	5.426.013	13.278.840	0,41
32	DCM	-	0,00%	1,07%	1,07%	5.029.307	2.446.095	2,06
33	PDR	6.841.700	0,63%	1,05%	0,42%	4.584.595	7.228.065	0,63
34	PVD	4.670.588	0,86%	1,01%	0,15%	813.578	4.153.990	0,20
35	SHS	8.905.850	0,64%	0,91%	0,27%	3.823.450	15.650.180	0,24
36	KDH	2.556.240	0,60%	0,82%	0,23%	970.394	1.641.335	0,59
37	HUT	4.351.500	0,52%	0,77%	0,25%	2.122.542	2.801.268	0,76
38	TCH	8.168.220	0,49%	0,74%	0,25%	4.112.349	4.411.280	0,93
39	HNG	13.552.700	0,48%	0,72%	0,24%	6.657.010	2.845.495	2,34
40	HDG	1.993.520	0,51%	0,71%	0,20%	795.414	1.289.830	0,62
41	DXG	-	0,00%	0,00%	0,00%	0	9.660.730	-
42	STB	2.876.000	0,57%	0,00%	-0,57%	-2.808.459	18.505.960	0,15

Nguồn: SSI Research

3. FTSE Vietnam Swap UCITS ETF

Dựa trên số liệu ngày 17/2, chúng tôi dự báo thay đổi đối với chỉ số FTSE Vietnam Index như sau:

- **VJC** có thể bị loại do không đạt tiêu chí thanh khoản (tuy nhiên kết quả tính đang ở khá sát ngưỡng xét duyệt nên kết quả cần được đánh giá lại tại ngày chốt dữ liệu).
- **PLX** có thể bị loại do không đạt tiêu chí thanh khoản và tỷ lệ sở hữu nước ngoài còn lại.
- **STB** có thể bị loại khỏi chỉ số do cổ phiếu đã đạt ngưỡng tối đa về sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài
- **TCH** có thể bị loại do không duy trì được giá trị vốn hóa yêu cầu.
- **EIB** có thể được thêm mới sau khi thanh khoản cải thiện đáng kể trong thời gian gần đây

Giả định với các thay đổi như trên, danh mục chỉ số sẽ bao gồm 23 cổ phiếu. Tổng tài sản quỹ FTSE Vietnam Swap UCITS ETF tại ngày 17/2 đạt 314 triệu USD. Trong phiên tái cơ cấu danh mục, chúng tôi ước tính quỹ có thể bán ra toàn bộ các cổ phiếu VJC (2,3tr), PLX (3,7tr), STB (8tr), TCH (4,8tr), do đó hầu hết các cổ phiếu còn lại sẽ được tăng tỷ trọng tương ứng. Chúng tôi ước tính tỷ trọng danh mục chỉ số và giao dịch của quỹ như bảng dưới đây, xin lưu ý rằng kết quả tính toán có thể thay đổi tại ngày chốt số liệu cuối cùng.

FTSE Vietnam Index và FTSE Vietnam Swap UCITS ETF

TT	CP	Tỷ trọng mới	Tỷ trọng hiện tại	+/-	+/- cổ phiếu	KLGD bình quân phiên	Số phiên giao dịch tương đương
1	VIC	13,44%	12,66%	0,78%	1.094.074	1.918.475	0,57
2	HPG	12,70%	11,69%	1,01%	3.589.344	27.988.300	0,13
3	MSN	12,42%	11,41%	1,01%	823.913	594.725	1,39
4	VHM	12,03%	10,71%	1,31%	2.264.056	2.240.715	1,01
5	VNM	11,67%	10,66%	1,01%	992.956	1.698.305	0,58
6	VCB	7,37%	8,59%	-1,22%	-977.623	1.007.095	0,97
7	VRE	6,71%	4,93%	1,78%	4.680.493	1.391.080	3,36
8	SSI	4,43%	4,37%	0,06%	228.093	14.701.570	0,02
9	DGC	2,09%	1,87%	0,23%	317.994	2.081.680	0,15
10	VND	1,83%	1,68%	0,15%	785.104	21.550.900	0,04
11	KBC	1,76%	1,74%	0,03%	79.464	5.357.020	0,01
12	VCI	1,68%	1,52%	0,16%	448.618	5.570.520	0,08
13	NVL	1,64%	1,47%	0,17%	1.095.539	16.739.860	0,07
14	EIB	1,51%	0,00%	1,51%	5.866.953	2.818.716	2,08
15	POW	1,24%	1,12%	0,12%	715.484	7.579.975	0,09
16	PVD	1,21%	1,16%	0,05%	160.258	4.153.990	0,04
17	GEX	1,14%	1,07%	0,07%	417.710	12.220.730	0,03
18	DPM	1,12%	1,44%	-0,32%	-624.362	1.737.610	0,36
19	HSG	0,87%	0,89%	-0,01%	-54.578	16.674.090	0,00
20	VCG	0,86%	0,81%	0,05%	186.654	7.701.685	0,02
21	DIG	0,78%	0,82%	-0,04%	-187.955	9.618.885	0,02
22	PDR	0,77%	0,50%	0,27%	1.816.974	7.228.065	0,25
23	DXG	0,71%	0,65%	0,05%	356.014	9.660.730	0,04
	VJC	0,00%	3,22%	-3,22%	-2.340.894	254.160	9,21
	PLX	0,00%	1,94%	-1,94%	-3.760.119	716.635	5,25
	STB	0,00%	2,60%	-2,60%	-7.965.580	18.505.960	0,43
	TCH	0,00%	0,47%	-0,47%	-4.859.704	4.411.280	1,10

Nguồn: SSI Research

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kì lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lôi kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Tài liệu này chỉ được lưu hành nội bộ và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương
Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư
phuonghv@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Vĩ mô

Phạm Lưu Hưng
Kinh tế trưởng
hungpl@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Thái Thị Việt Trinh
Chuyên viên phân tích Vĩ mô
trinhttv@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

Phân tích Định lượng

Đỗ Nam Tùng
Chuyên viên cao cấp Phân tích Định lượng
tungdn@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8709

Phân tích cổ phiếu KHCN

Ngô Thị Kim Thanh
Chuyên viên phân tích cao cấp
thanhntk@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3053

Lê Huyền Trang
Chuyên viên phân tích cao cấp
tranglh@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8717

Chiến lược thị trường

Nguyễn Trọng Đình Tâm
Phó Giám đốc Chiến lược Đầu tư
tamntd@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8713

Nguyễn Lý Thu Ngà
Chuyên viên phân tích cao cấp
nganlt@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

Dữ liệu

Nguyễn Thị Kim Tân
Chuyên viên hỗ trợ
tanntk@ssi.com.vn
Tel: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715